TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 370/2023/DS-PT
Ngày: 10 - 07- 2023
V/v tranh chấp: "Hợp đồng góp hụi"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trần Văn Đạt**

Các Thẩm phán: Bà **Trương Thị Tuyết Linh**

Bà **Nguyễn Ái Đoan**

- *Thư ký phiên tòa*: Bà **Lưu Thị Loan** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:* Bà **Hà Ngọc Thư Trúc**- Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 7 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 152/2023/TLPT-DS ngày 09 tháng 06 năm 2023 về tranh chấp "*Hợp đồng góp hụi*".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 28/2023/DS-ST ngày 22 tháng 03 năm 2023 của Toà án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 650/2023/QĐ-PT ngày 19 tháng 06 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Huỳnh Thị N, sinh năm 1978 (Có mặt).

Địa chỉ: Tổ 1, ấp Chà L, xã Phú Nhuận, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

- *Bị đơn:* Bà Trần Thị Ánh T, sinh năm 1972. (Có mặt).

Địa chỉ: Tổ 1, ấp Chà L, xã Phú Nhuận, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

1. Ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1977 (Có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: Tổ 1, ấp Chà L, xã Phú Nhuận, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

2. Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1967 (Có mặt).

Địa chỉ: số 44, tổ 1, ấp Chà L, xã Phú Nhuận, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

3. Ông Nguyễn Thanh Th, sinh năm 1950 (Có mặt).

4. Bà Nguyễn Thị Ngọc D, sinh năm 1960 (Có mặt).

Cùng địa chỉ: Số 244, tổ 9, ấp Phú Lợi, xã Phú Nhuận, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

5. Bà Nguyễn Thị H1, sinh năm 1948 (Có mặt).

Địa chỉ: Số 262, tổ 10, ấp PL, xã Phú Nhuận, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn Trần Thị Ánh T, những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan gồm Nguyễn Thị H1, Nguyễn Thanh Th.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm, nguyên đơn Huỳnh Thị N trình bày: Bà N với bà Trần Thị Ánh T là chỗ quen biết, bà N có tổ chức chơi hụi và bà T có tham gia góp hụi do bà N làm chủ thảo hụi cụ thể các dây hụi như sau:

- Dây hụi 6.000.000 đồng, hụi mùa, mở vụ 2 năm 2015 (theo mùa lúa), hụi có 18 phần, một năm khui 3 lần. Đến vụ 3 năm 2021 là mãn hụi, bà T có tham gia 02 phần:

+ Phần thứ 1 bà T bóc thăm lãnh hụi ở kỳ thứ 5 và phải đóng hụi chết 13 kỳ, tuy nhiên bà T mới chỉ đóng được 6 kỳ hụi và còn nợ lại 6 kỳ với số tiền là 36.000.000 đồng;

+ Phần thứ 2 bà T bóc thăm hốt hụi ở kỳ thứ 12, phải đóng hụi chết cho bà N 6 kỳ, tuy nhiên bà T chỉ đóng được 01 kỳ, còn nợ lại 5 kỳ với số tiền là 30.000.000 dồng.

- Dây hụi vàng (mỗi phần hụi sống đóng 01 chỉ vàng, hụi chết đóng 1,5 chỉ vàng 24Kr) khui vào vụ Đông Xuân năm 2016 có 17 phần, một năm khui 3 lần (theo mùa lúa) đến vụ 3 năm 2021 là mãn hụi, bà T tham gia 01 phần đã bóc thăm trúng ở kỳ thứ 4, phải đóng hụi chết lại 13 kỳ, bà T đóng được 6 kỳ, còn nợ lại 7 kỳ là 21.000.000 đồng.

- Dây hụi mùa mở vụ Đông Xuân năm 2016, có 16 phần, mỗi phần 1,5 chỉ vàng 24Kr, một năm mở 3 hụi 03 kỳ theo mùa lúa, đến vụ đông xuân 2021 là mãn hụi, bà T tham gia 01 phần đã trúng thăm lĩnh hụi kỳ thứ 6, phải đóng hụi chết lại 10 kỳ, đã góp được 4 kỳ còn nợ lại 06 kỳ là 09 chỉ vàng 24Kr.

- Dây hụi vàng khui vào vụ 2 năm 2017 có 15 phần, mỗi phần 1,5 chỉ vàng, 01 năm khui 3 lần theo mùa lúa, đến vụ Đông Xuân năm 2022 là mãn hụi. Dây hụi này bà tham gia 01 phần, bóc thăm trúng ở kỳ thứ 3, đóng hụi chết lại 12 kỳ, đã đóng được 4 kỳ còn nợ lại 8 kỳ là 12 chỉ vàng 24Kr.

- Dây hụi mùa mở vụ Đông Xuân năm 2018, có 17 phần mỗi phần 1,5 chỉ vàng 24Kr, 01 năm mở 03 kỳ đến vụ 02 năm 2023 là mãn. Bà T tham gia 01 phần đã trúng thăm lĩnh hụi kỳ thứ 01, đã góp hụi chết lại 16 kỳ, còn nợ lại 13

kỳ là 19,5 chỉ vàng 24Kr.

- Dây hụi mùa mở vụ Đông Xuân năm 2019 có 16 phần, mỗi phần 3.000.000 đồng, 01 năm mở 03 kỳ, đến vụ Đông Xuân năm 2023 là mãn hụi. Bà T tham gia 01 phần, đã trúng thăm lãnh hụi kỳ thứ 2, phải đóng hụi chết lại 14 kỳ là 42.000.000 đồng, bà T đã đóng được 20.000.000 đồng, còn nợ lại 22.000.000 đồng.

- Dây hụi mùa mở vụ Đông Xuân năm 2020, có 17 phần, mỗi phần 6.000.000 đồng, 01 năm khui 03 kỳ, đến vụ 02 năm 2025 mới mãn hụi, bà T tham gia 01 phần, đã hốt ở kỳ thứ 01, phải đóng hụi chết tại kỳ thứ 16, còn lại 16 kỳ với số tiền 96.000.000 đồng.

Tổng cộng bà T tham gia của bà N 07 dây hụi, bà T còn nợ tiền hụi là 205.000.000 đồng vàng hụi là 40,5 chỉ vàng 24Kr, nay yêu cầu bà T phải trả số tiền nợ vàng, tiền hụi nêu trên.

Ngày 22/02/2023 bà N có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể bà N yêu cầu bà T trả số tiền 203.000.000 đồng và 36,5 chỉ vàng 24Kr.

*Bị đơn bà Trần Thị Ánh T trình bày:*Tôi có tham gia góp hụi do bà N làm chủ, trong thời gian góp hụi bà N không đưa cho tôi danh sách hụi viên. Đến năm 2019 do hoàn cảnh kinh tế khó khăn, tôi không còn khả năng đóng hụi nữa, nên tôi và bà N có tính tổng số tiền hụi mà tôi thiếu lại bà N là 203.000.000 đồng và 36,5 chỉ vàng 24Kr. Sau đó bà N có dẫn tôi đến gặp ông Nguyễn Văn H, ông Nguyễn Thanh Th, bà Nguyễn Thị H1 để thỏa thuận cấn trừ nợ (do bà N còn nợ hụi 03 người này), nên tôi và bà N, chồng bà N là ông Phúc cùng với ông H, ông Th, bà H1 thống nhất thỏa thuận là thay vì tôi nợ tiền bà N, bà N nợ tiền của 03 người này, thì tôi sẽ đứng ra trả trực tiếp cho 3 người này thay bà N, xem như giữa tôi và bà N không còn nợ tiền hụi gì cả. Việc thỏa thuận giữa các bên là thỏa thuận miệng, không có giấy tờ hay sự chứng kiến của người nào.

Sau đó tôi có trả đủ tiền hụi cho ông H số vàng là 14,5 chỉ vàng 24Kr tương đương 74.675.000 đồng; Trả cho ông Th số tiền 258.800.000 đồng; Trả cho bà H1 số tiền 57.500.000 đồng. Tổng số tiền tôi đã trả cho 03 người là 390.985.000 đồng là bao gồm 203.000.000 đồng tiền nợ hụi và 36,5 chỉ vàng 24Kr vàng nợ hụi. Nay bà N khởi kiện yêu cầu tôi phải trả số tiền 205.000.000 đồng và 40,5 chỉ vàng 24Kr tôi không đồng ý, vì tôi đã trả xong số vàng, tiền này cho bà N thông qua thỏa thuận trả dùm thay.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Thanh Th, bà Nguyễn Thị Ngọc D thống nhất trình bày:

Vợ chồng tôi có tham gia chơi hụi do bà N làm chủ, cụ thể chúng tôi có tham gia 07 dây hụi, trong đó 03 dây hụi vàng, 04 dây hụi tiền. Trong các dây hụi thì có 01 số dây chúng tôi đã hốt, 01 số dây chưa hốt. Tổng kết lại bà N còn nợ vợ chồng tôi số tiền là 52.800.000 đồng và 04 lượng vàng 24Kr, tương đương

số tiền 258.800.000 đồng (vàng tại thời điểm thỏa thuận là 51.500.000 đồng/lượng). Ngày thỏa thuận giữa vợ chồng tôi với vợ chồng bà N, ông H, bà H1 là diễn ra tại nhà tôi, tuy nhiên việc thỏa thuận chỉ bằng miệng, không có lập giấy tờ, cũng không có ai chứng kiến. Theo nội dung thỏa thuận giữa các bên thì bà T sẽ đứng ra trả nợ dùm cho bà N (do bà N nợ tôi và bà T nợ bà N). Để thực hiện theo thỏa thuận thì bà T đã trả cho vợ chồng tôi số tiền tổng cộng là 258.800.000 đồng vợ chồng tôi đã nhận đủ số tiền này, hiện tại thì giữa tôi và bà N không còn nợ nần.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn H trình bày tại phiên tòa sơ thẩm như sau: Tôi có tham gia chơi hụi (tên trong giấy hụi là "Ba Hoàng") do bà N làm chủ hụi 01 dây hụi vàng mùa vụ 01 năm 2018, hụi có 16 phần, tôi tham gia một phần, đến vụ 03 năm 2021 bà N nói lý do bệnh dịch Covid nên bà N ngưng hụi không khui nữa, sau đó bà N có trả cho tôi được 02 chỉ vàng, còn nợ lại 14 chỉ 5 phân vàng tương đương số tiền là 74.675.000 đồng, số vàng hụi này bà N chưa giao mà còn thiếu lại tôi. Do bà Trần Thị Ánh T (là em dâu tôi) có nợ tiền hụi của bà N. Nên tôi và bà T, bà N có thỏa thuận thay vì bà N trả tiền nợ hụi cho tôi thì bà T sẽ thay bà N trả cho tôi số tiền nợ hụi nêu trên. Hiện tại bà T đã trả xong cho tôi và tôi là người trực tiếp nhận tiền từ bà T (số tiền nợ hụi của bà N nợ tôi) tôi đã nhận đủ số tiền 74.675.000 đồng từ bà T trả, giữa tôi và bà N không còn nợ số tiền hụi nào.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị H1 trình bày:Tôi là hụi viên, có tham gia chơi hụi do bà N làm chủ hụi, tôi tham gia tổng cộng 05 dây hụi, trong đó có 03 dây hụi tiền đã mãn 01 dây, còn 02 dây chưa mãn trong đó có 02 dây hụi vàng. Sau đó bà N lấy lý do là dịch Covid-19 không tiếp tục khui hụi nữa. Tôi và bà N có tổng kết lại thì bà N còn nợ tôi tổng số tiền 125.000.000 đồng và 19,5 chỉ vàng 24Kr. Tại buổi thỏa thuận (miệng) trả nợ giữa 03 bên (tôi, bà N, bà T) thì bà T đứng ra trả cho tôi số tiền 57.500.000 đồng, hiện tại bà N còn nợ lại tôi số tiền 67.500.000 đồng và 19,5 chỉ vàng 24Kr. Nay đối với việc bà N kiện bà T thì bà T đã đứng ra trả nợ cho chúng tôi thay cho bà N, nên xem như bà T không còn nợ gì đối với bà N nữa. Còn số tiền, vàng bà N còn nợ lại tôi nếu bà N không trả thì tôi sẽ khởi kiện bà N bằng một vụ kiện khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn P có đơn xin vắng mặt trong quá trình giải quyết ở giai đoạn sơ thẩm nhưng có bản tự khai trình bày ý kiến như sau: Vợ tôi là Huỳnh Thị N có khởi kiện bà T số tiền nợ hụi là 205.000.000 đồng và 40,5 chỉ vàng 24Kr. Tại bản tự khai bà T xác định chỉ còn nợ vợ tôi số tiền 203.000.000 đồng và 36,5 chỉ vàng 24Kr và đã trả xong cho ông H, ông Th – bà D, bà H1 theo yêu cầu của vợ tôi là không phù hợp vì

vợ chồng tôi hoàn toàn không có cấn trừ nợ với bà T, cũng không có văn bản thỏa thuận việc cấn trừ nợ hay trả nợ thay. Còn việc bà T tham gia góp hụi do vợ tôi tổ chức là đúng, nay tôi có ý kiến là đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của vợ tôi.

Tại Bản án dân sơ thẩm số 28/2023/DS-ST ngày 22 tháng 03 năm 2023 của Toà án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang đã căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 244, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 357, khoản 2 Điều 468, Điều 471 Bộ luật dân sự; Khoản 1 Điều 16 Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hụi, hiêu, phường; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Huỳnh Thị N có đại diện theo ủy quyền là anh Lê Thanh Ph, anh Lê Tấn L1.

Buộc bà Trần Thị Ánh T phải có nghĩa vụ trả cho bà Huỳnh Thị N số tiền nợ hụi là 203.000.000 đồng (Hai trăm lẻ ba triệu đồng) và số vàng 36,5 chỉ vàng 24Kr (Ba mươi sáu chỉ năm phân vàng 24Kr). Thực hiện trả tiền, vàng khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bà Huỳnh Thị N có đơn yêu cầu thi hành án nếu bà Trần Thị Ánh T chậm thi hành đối với phần tiền thì còn phải trả lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

2. Đình chỉ giải quyết đối với số tiền 2.000.000đ và 04 chỉ vàng 24Kr của bà Huỳnh Thị N yêu cầu bà Trần Thị Ánh T phải trả.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 03/4/2023, bị đơn Trần Thị Ánh T, những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan gồm Nguyễn Thị H1, Nguyễn Thanh Th có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc giải quyết bao gồm: Yêu cầu Tòa án phúc thẩm sửa toàn bộ nội dung án sơ thẩm số 28/2023/DS-ST ngày 22/3/2023 của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy theo hướng bác bỏ toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà N. Những người kháng cáo cho rằng bà N là người trực tiếp dẫn bà T đến gặp ông H, ông Th và bà H1 để thỏa thuận cấn trừ nợ hụi.Việc cấn trừ nợ hụi giữa bà Ánh T, bà N, ông Phúc, ông Th, ông H và bà H1 đã được thực hiện xong.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và bị đơn Trần Thị Ánh T và những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan gồm: Nguyễn Thị H1, Nguyễn Thanh Th giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phúc thẩm: Về việc tuân theo pháp luật: Từ khi thụ lý phúc thẩm cho đến khi xét xử Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã tuân thủ theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Người tham gia tố tụng chấp hành đúng nội quy phòng xử án và thực hiện quyền, nghĩa vụ đúng pháp luật; Về nội dung vụ án: Bà N và bà T cùng xác định sau khi tổng kết các dây hụi do bà N làm chủ Thảo, bà T là hụi viên tham gia chơi hụi thì bà T còn nợ bà N số tiền 203.000.000 đồng và 36,5 chỉ vàng 24kr. Bà T cho rằng đã trả xong nợ cho bà N bằng cách trả cho bà H1, ông H, ông Th và bà D vì bà N đang thiếu nợ hụi những người này. Bà N thì không thừa nhận việc đồng ý trả nợ thay như bà T trình bày. Xét nội dung bản án sơ thẩm đã xét xử là có căn cứ đúng pháp luật. Quá trình kháng cáo thì bà T, bà H1, ông Th cũng không cung cấp thêm chứng cứ gì mời để chứng minh, bà N không thừa nhận việc thỏa thuận khấu trừ nợ, nên kháng cáo của các đương sự là không có cơ sở. Đề nghị hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ Khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, nội dung yêu cầu kháng cáo của bị đơn Trần Thị Ánh T và những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan gồm: Nguyễn Thị H1, Nguyễn Thanh Th, lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là tranh chấp "Hợp đồng góp hụi" là có căn cứ đúng pháp luật. Sau khi xét xử sơ thẩm thì, bà Ánh T, bà H1 và ông Th nộp đơn kháng cáo trong thời hạn luật định và nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đầy đủ, nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm. Riêng đối với bà H1 và ông Th thuộc trường hợp miễn nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm.

[1.1] Đối với người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Nguyễn Văn P có đơn xin xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử phúc thẩm tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh Phúc theo khoản 2 Điều 296 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án: Bà Huỳnh Thị N và bà Trần Thị Ánh T cùng trình bày thống nhất như sau, bà N là chủ thảo hụi (có huê hồng) còn bà Ánh T là hụi viên tham gia chơi hụi cho bà N tổ chức. Trong thời gian từ năm 2015 đến năm 2020. Bà N có tham gia tất cả 07 dây hụi mùa, trong đó có 04 dây hụi tiền và 03 dây hụi vàng, hiện các dây hụi này đã mãn và vỡ hụi nên không tiếp tục khui hụi nữa. Theo đại diện ủy quyền của nguyên đơn bà N trình bày sau khi bà T hốt hụi thì không đóng hụi chết cho bà N, hai bên có tổng kết số tiền, vàng nợ hụi cụ thể

bà T còn nợ bà N số tiền hụi là 203.000.000 đồng và 36,5 chỉ vàng 24Kr. Bà Ánh T cũng thừa nhận các dây hụi nêu trên bà T đã hốt hụi xong, hiện còn nợ lại số tiền 203.000.000 đồng và 36,5 chỉ vàng 24Kr là số tiền, vàng hụi chết chưa đóng. Xét thấy, cả hai bên đương sự cùng trình bày thống nhất về 07 dây hụi, số người tham gia, số kỳ hụi đã đóng và số tiền hụi chết còn nợ lại là 203.000.000 đồng và 36,5 chỉ vàng 24Kr, đây là sự kiện không cần phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự. Các bên chỉ tranh chấp với nhau về việc cấn trừ nợ cho những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong án. Bà N khởi kiện yêu cầu bà Ánh T phải trả số tiền 203.000.000 đồng và 36,5 chỉ vàng 24Kr. Bà Ánh T thừa nhận nợ hụi như bà N khởi kiện nhưng nại ra rằng, năm 2019 do hoàn cảnh kinh tế khó khăn, tôi không còn khả năng đóng hụi nữa, nên tôi và bà N có tính tổng số tiền hụi mà tôi thiếu lại bà N là 203.000.000 đồng và 36,5 chỉ vàng 24Kr. Sau đó bà N có dẫn tôi đến gặp ông Nguyễn Văn H, ông Nguyễn Thanh Th, bà Nguyễn Thị H1 để thỏa thuận cấn trừ nợ (do bà N còn nợ hụi 03 người này), nên tôi và bà N, chồng bà N là ông Phúc cùng với ông H, ông Th, bà H1 thống nhất thỏa thuận là thay vì tôi nợ tiền bà N, bà N nợ tiền của 03 người này, thì tôi sẽ đứng ra trả trực tiếp cho 3 người này thay bà N, xem như giữa tôi và bà N không còn nợ tiền hụi gì cả. Việc thỏa thuận giữa các bên là thỏa thuận miệng, không có giấy tờ hay sự chứng kiến của người nào. Bà N thì không thừa nhận có sự thỏa thuận này. Sau khi Tòa án sơ thẩm xét xử, buộc bà Ánh T phải trả bà N số tiền 203.000.000 đồng và 36,5 chỉ vàng 24Kr thì Bà Ánh T, bà H1 và ông Th kháng cáo bản án sơ thẩm.

Xét yêu cầu kháng cáo của bà Ánh T, ông Th và bà H1 thì thấy rằng: Hợp đồng góp hụi giữa bà N (chủ hụi) và bà Ánh T (hụi viên) đã thực sự phát sinh, bà Ánh T đã hốt tất cả các dây hụi thì bà Ánh T phải có nghĩa vụ đóng lại toàn bộ hụi chết cho bà N mới đúng theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 16 của Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 02 năm 2019 của Chính Phủ. Bà N có quyền góp tiền hụi chết từ bà Ánh T theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 17 của Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 02 năm 2019 của Chính Phủ. Đối với việc bà Ánh T nại ra rằng có sự thỏa thuận cho việc bà Ánh T đóng hụi chết cho ông Nguyễn Văn H, ông Nguyễn Thanh Th, bà Nguyễn Thị H1 để trừ nợ thì không được bà N thừa nhận, mặc dù ông H, ông Th và bà Bé H1 cùng xác nhận. Xét thấy, việc bà Ánh T khai nại có sự thừa nhận của ông H, ông Th và bá Bé H1 nhưng không có chứng cứ chứng minh, bà N không thừa nhận. Do đó, lời khai nại của bà Ánh T là không phù hợp với quy định tại Nghị định số Số: 19/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 02 năm 2019 của Chính Phủ, quy định về nghĩa vụ của hụi viên sau khi hốt hụi thì phải có nghĩa vụ đóng hụi chết cho chủ thảo hụi, đồng thời trái với quy định tại Điều 365 (chuyển giao quyền yêu cầu) và Điều 370 (chuyển giao nghĩa vụ) của Bộ luật dân sự năm 2015, cho nên lời

khai nại của bà Ánh T, ông H, ông Th và bá Bé H1 là không có cơ sở, không được Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận. Xét nội dung bản án sơ thẩm đã xét xử là có căn cứ, đúng pháp luật.

[5] Từ những căn cứ, phân tích như trên, xét kháng cáo của bà Ánh T, ông Th và bà H1 là không có cơ sở, không được Hội đồng xét xử chấp nhận. Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự .

[6] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí: Do không chấp nhận kháng cáo của người kháng cáo, nên người kháng cáo phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định. Cụ thể bà Ánh T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp xem như thi hành xong án phí phúc thẩm. Riêng đối với bà H1, ông Th là người cao tuổi nên được miễn toàn bộ án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 2 Điều 296, Khoản 1 Điều 308, Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 357, Khoản 2 Điều 468, Điều 471 Bộ luật dân sự; Khoản 1 Điều 16 Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hụi, hiêu, phường; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Trần Thị Ánh T, bà Nguyễn Thị H1, ông Nguyễn Thanh Th. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 28/2023/DS-ST ngày 22/03/2023 của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Huỳnh Thị N .

- Buộc bà Trần Thị Ánh T phải có nghĩa vụ trả cho bà Huỳnh Thị N số tiền nợ hụi là 203.000.000 đồng (Hai trăm lẻ ba triệu đồng) và số vàng 36,5 chỉ vàng 24Kr (Ba mươi sáu chỉ năm phân vàng 24Kr), loại vàng giao dịch tại địa phương. Thực hiện trả tiền, vàng khi án có hiệu lực pháp luật.

- Kể từ ngày bà Huỳnh Thị N có đơn yêu cầu thi hành án nếu bà Trần Thị Ánh T chậm thi hành đối với phần tiền thì còn phải trả lãi theo mức lãi suất quy

định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

3. Đình chỉ giải quyết đối với số tiền 2.000.000 đồng và 04 chỉ vàng 24Kr của bà Huỳnh Thị N yêu cầu bà Trần Thị Ánh T phải trả.

4. Về án phí: Bà Trần Thị Ánh T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm phải chịu số tiền 20.208.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí do bà Ánh T nộp theo biên lai thu số 0017420 ngày 03/4/2023 của Chi cục thi hànhh án dân sự huyện Cai Lậy xem như thi hành xong án phí phúc thẩm.

- Hoàn lại bà Huỳnh Thị N số tiền tạm ứng án phí là 10.150.000 đồng theo biên lai thu số 0016947, ngày 18/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cai Lậy.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự; thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang;
- Chi cục THADS huyện Cai Lậy, Tiền Giang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Văn Đạt